

Số: /ĐA-UBND

Can Lộc, ngày tháng 3 năm 2026

## ĐỀ ÁN

### Phát triển nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững xã Can Lộc giai đoạn 2026-2030

#### I. Thông tin chung về Đề án

1. Tên Đề án: Đề án Phát triển nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững xã Can Lộc giai đoạn 2026 - 2030.

2. Cơ quan xây dựng Đề án: UBND xã Can Lộc.

3. Cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng Đề án: Ban Thường vụ Đảng uỷ xã Can Lộc.

#### II. Mục đích, yêu cầu và nhiệm vụ xây dựng Đề án

##### 1. Mục đích, yêu cầu:

- Xây dựng Đề án Phát triển nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững xã Can Lộc giai đoạn 2026 - 2030 phù hợp với yêu cầu thực tiễn, đảm bảo tính chiến lược, phát triển toàn diện; phù hợp với chủ trương, mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã Can Lộc và các định hướng liên quan của Tỉnh, của Trung ương.

- Nội dung Đề án phải đánh giá, phân tích đặc điểm về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội; tiềm năng, lợi thế phục vụ sản xuất nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững; thực trạng phát triển nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững trên địa bàn giai đoạn 2021 - 2025; tồn tại, hạn chế và nguyên nhân; xác định mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm cụ thể thời gian tới nhưng phải phù hợp với các mục tiêu nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, Nghị quyết đại hội Đảng bộ xã Can Lộc lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 và các quy định có liên quan; đảm bảo chất lượng, hiệu quả và có tính khả thi cao.

#### III. Nội dung Đề án

##### 1. Sự cần thiết và cơ sở xây dựng Đề án

###### 1.1. Sự cần thiết.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV; Kết luận số 219/KL-TW ngày 26/11/2025 của Bộ Chính trị Về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (viết tắt là Nghị quyết số 19-NQ/TW); Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XX, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Can Lộc lần thứ Nhất.

Trong những năm qua lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn đã đạt được nhiều thành quả tích cực: cơ cấu kinh tế nông thôn chuyển dịch theo hướng hợp lý, tốc

độ tăng trưởng sản xuất nông nghiệp được cải thiện rõ rệt. Tuy nhiên, sản xuất nông nghiệp toàn xã nhìn chung vẫn còn manh mún, nhỏ lẻ; giá trị gia tăng chưa cao; chưa gắn kết với thị trường, chưa khai thác hợp lý các tiềm năng, lợi thế của địa phương.

Đề tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng toàn diện hiện đại, tiếp tục cụ thể hoá và đưa Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Can Lộc, lần thứ I vào thực tiễn cuộc sống, việc xây dựng đề án Phát triển nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững xã Can Lộc giai đoạn 2026 - 2030 là cần thiết và cấp bách.

Đề án nhằm tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới theo hướng hiện đại, bền vững, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của địa phương, qua đó, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân.

### 1.2. Căn cứ pháp lý.

- Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII; Kết luận số 219/KL-TW ngày 26/11/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Nghị quyết số 424/NQ-CP của Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

- Căn cứ Quyết định số 51 - QĐ/TTg, ngày 29/12/2025 của Thủ Tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030;

- Quyết định số 417/QĐ-BNNMT, ngày 31/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030;

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XX;

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Can Lộc lần thứ I nhiệm kỳ 2025-2030 và thực trạng kinh tế - xã hội và tiềm năng phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn xã Can Lộc;

### 1.3. Đối tượng, phạm vi của Đề án.

- Đối tượng:

+ Lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn: Trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi, phát triển nông thôn, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững...

+ Các cơ quan, đơn vị; doanh nghiệp, HTX, THT, trang trại, hộ gia đình, cá nhân, cơ sở sản xuất, kinh doanh.

- Phạm vi: Trên địa bàn xã Can Lộc.

**2. Tổng quan về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội; tiềm năng, lợi thế; nguy cơ, tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu đối với nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững trên địa bàn.**

### **2.1. Điều kiện tự nhiên:**

Xã Can Lộc nằm ở phía Bắc của tỉnh Hà Tĩnh, có vị trí kết nối quan trọng trong không gian phát triển tổng thể. Đây là khu vực có điều kiện thuận lợi về giao thông, tự nhiên và địa hình, đóng vai trò như “cửa ngõ” vào vùng trung tâm với các tuyến đường giao thông huyết mạch Quốc lộ 1A. Xã được thành lập trên cơ sở sáp nhập Thị trấn Nghèn, Thiên Lộc và Vượng Lộc cũ.

Phía Bắc: giáp phường Nam Hồng Lĩnh.

Phía Nam: giáp Xã Đông Kinh.

Phía Tây: giáp xã Gia Hanh.

Phía Tây Nam : giáp xã Xuân Lộc.

Phía Đông: giáp xã Tùng Lộc.

Có hệ thống giao thông liên tỉnh thuận lợi với Quốc lộ 1 - Trục hành lang kinh tế Bắc - Nam - Trục hành lang kinh tế Đông - Tây, cách cảng biển Vũng Áng 90 km; cửa khẩu Cầu Treo 100km.

Diện tích tự nhiên 65,7 km<sup>2</sup>, nằm trên địa hình bán sơn địa, có độ dốc từ Đông sang Tây chịu ảnh hưởng của chế độ thủy văn Sông Nghèn. Có 2 hồ đập chứa nước Hồ Khe Trúc, hồ Nhà Đường, là địa bàn có địa hình tương đối phức tạp bao gồm vùng núi và vùng đồng bằng xen kẽ.

### **2.2. Điều kiện kinh tế - xã hội:**

Dân số toàn xã năm 2025 là 41.520 người, được phân bố trên 39 thôn.

Cơ cấu giá trị sản xuất các ngành chủ yếu chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng thương mại, dịch vụ và công nghiệp, xây dựng, giảm tỷ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản, cụ thể: Công nghiệp và xây dựng chiếm 40,21%, Dịch vụ chiếm 42,65%; nông, lâm, thủy sản chiếm 17,14%. Thu nhập bình quân đầu người năm 2025 đạt 65,12 triệu đồng/người/năm. Tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn năm 2025 đạt 2.639,2 triệu đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân năm 2025 đạt 8,89%.

*Thương mại - dịch vụ:* nhiều loại hình kinh doanh đa dạng, phong phú; các ngành thiết yếu được quan tâm đầu tư, mở rộng như kinh doanh vật liệu xây dựng, lương thực, thực phẩm, dịch vụ ăn uống, giải trí, lưu trú... Các siêu thị bán lẻ, cơ

sở kinh doanh, trung tâm thương mại, dịch vụ ngày càng phát triển, đảm bảo bình ổn giá phục vụ sản xuất và đời sống người dân. Trên địa bàn có 2.300 tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ.

*Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng:* trên địa bàn xã có Cụm công nghiệp Can Lộc. Các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chủ yếu hoạt động trong các lĩnh vực như rèn đúc, sửa chữa gia công cơ khí, mộc, gạch không nung, ... lĩnh vực xây dựng như thi công, cải tạo, bảo trì các công trình kiến trúc và hạ tầng. Hiện nay, địa phương có 127 doanh nghiệp.

### 2.3. Đánh giá tiềm năng, lợi thế phát triển nông nghiệp, nông thôn

Diện tích đất nông nghiệp 4.482,5 ha đó: Đất trồng lúa 1.800 ha, đất trồng cây hàng năm 293ha, đất trồng cây lâu năm 360ha, đất nuôi trồng thủy sản 130 ha; đất lâm nghiệp 1834 ha, đất nông nghiệp khác 65,5ha.

Tổng giá trị sản xuất nông nghiệp theo giá hiện hành đạt 449,3 triệu đồng/năm.

Đánh giá chung về tăng trưởng, giá trị sản xuất; giá trị trên đơn vị diện tích; sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nội ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản; tỷ trọng giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản trong cơ cấu kinh tế:

Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản: tích cực áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất, chăn nuôi; thực hiện chuyển đổi giống cây trồng theo hướng sản xuất hàng hoá, ứng dụng KHKT vào sản xuất nông nghiệp; thực hiện chuyển đổi ruộng đất theo Nghị quyết 06-NQ/TU với diện tích 1.217 ha; hình thành các mô hình sản xuất kinh tế vườn hộ, sản xuất nông nghiệp hữu cơ, góp phần nâng cao hiệu quả và giá trị kinh tế. Hàng năm diện tích gieo trồng đều đạt trên 100% kế hoạch; chăn nuôi tiếp tục được quan tâm, chú trọng và duy trì tổng đàn. Là địa bàn không có lợi thế về sản xuất nông nghiệp; kinh tế chủ yếu tập trung phát triển công nghiệp, thương mại và dịch vụ; quỹ đất nông nghiệp ít, ngày càng bị thu hẹp để phát triển các khu, cụm công nghiệp.

## 4. Đánh giá những nguy cơ, rủi ro, tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu (thiên tai, mưa bão, lũ lụt, dịch bệnh...).

- Xã Can Lộc có diện tích tự nhiên 65,7 km<sup>2</sup>, nằm trên địa hình bán sơn địa, có độ dốc từ Đông sang Tây chịu ảnh hưởng của chế độ thủy văn Sông Nghèn, chủ yếu phục vụ thủy lợi và vận tải đường sông bằng phương tiện thuyền bè; có 2 hồ đập chứa nước, như: Hồ Khe Trúc, hồ Nhà Đường, là địa bàn có địa hình tương đối phức tạp bao gồm vùng núi. Với điều kiện địa hình như trên hàng năm xã chịu ảnh hưởng không nhỏ do thiên tai, bão lụt gây ra.

- Chăn nuôi nông hộ nhỏ lẻ chiếm tỷ lệ khá cao, điều kiện chăn nuôi không đảm bảo, khó khăn trong việc áp dụng các biện pháp an toàn dịch bệnh; mầm bệnh có sự biến chủng, lưu cữu trong môi trường, cùng với địa bàn phức tạp, nhiều hoạt động giao thương buôn bán, vận chuyển động vật, có nhiều tuyến Quốc lộ đi qua địa bàn, khí hậu thời tiết diễn biến bất thường (nhiều đợt mưa bão, ngập lụt...) ảnh hưởng lớn đến công tác phòng chống dịch bệnh, nguy cơ xuất hiện và bùng phát các loại dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi là rất lớn.

## **5. Thực trạng phát triển nông nghiệp, nông thôn, giảm nghèo bền vững trên địa bàn giai đoạn 2021-2025**

### **5.1 Thực trạng sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản, diêm nghiệp**

#### ***b) Lĩnh vực Trồng trọt:***

Cơ cấu mùa vụ có bước chuyển biến rõ nét theo hướng tích cực; đối với sản xuất lúa đã xóa bỏ được trà xuân sớm, chủ yếu chỉ còn gieo cấy trà xuân muộn, sử dụng các giống lúa ngắn ngày, năng suất, chất lượng. Giai đoạn 2021 - 2025, đã thực hiện tốt chương trình phá bỏ bờ thửa nhỏ, hình thành ô thửa lớn gắn với tập trung, tích tụ ruộng đất; đã triển khai thực hiện được 1.217ha.

Diện tích sản xuất lúa hằng năm gieo cấy 3.600ha/3.600 ha, đạt 100% kế hoạch, tổng sản lượng lương thực cả năm đạt từ 16.385 tấn, năng suất bình quân 44,9 tạ/ha (năm 2025 vụ Hè thu mất mùa do thiên tai).

- Cây lạc: Diện tích 130ha; cơ cấu giống lạc L14, V79; năng suất bình quân 2,6 tấn/ha; sản lượng bình quân hằng năm 338 tấn.

- Rau, củ, quả: Diện tích rau màu các loại 80 ha, sản lượng 310 tấn; đậu 15 ha, sản lượng 16,5 tấn, khoai, sắn 15ha, sản lượng 90 tấn; ngô 10ha, sản lượng 38,9 tấn.

- Hằng năm xây dựng và đưa vào sản xuất trên diện rộng các giống mới có năng suất, chất lượng cao, thích ứng với biến đổi khí hậu; chuyển dịch một bước từ sản xuất theo số lượng sang chú trọng chất lượng gắn với thị trường, đã góp phần tăng năng suất, sản lượng và tăng giá trị thu nhập trên đơn vị diện tích canh tác. Kết quả đã xây dựng được một số mô hình như: Mô hình cánh đồng sản xuất tập trung; Mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ liên kết với tập đoàn Quế Lâm. Các mô hình trên bước đầu đem lại hiệu quả kinh tế cao trên đơn vị diện tích. Ngoài ra hằng năm thường xuyên xây dựng và trình diễn các mô hình giống lúa mới, để góp phần bổ sung vào bộ giống lúa của địa phương.

Việc Sản xuất lúa chuyển dịch theo hướng chú trọng vào sử dụng giống, chất lượng cao, nâng cao chất lượng sản phẩm, từng bước hình thành sản xuất theo hướng hàng hóa. Tuy vậy, sản xuất còn nhỏ lẻ, manh mún, tự phát; việc liên kết tiêu thụ sản phẩm còn thiếu chặt chẽ; thị trường tiêu thụ chủ yếu trong tỉnh và thông qua các thương lái mua trực tiếp từ hộ nông dân nên không ổn định.

#### ***c) Lĩnh vực Chăn nuôi:***

Về tổng đàn gia súc, gia cầm hàng năm: Tổng đàn trâu, bò 2068 con trong đó: bò 1.730 con và 338 con trâu, tỷ lệ đàn bò zebu đạt 52%. Tổng đàn lợn 2.350

con trong đó có 238 con lợn nái (trại Anh Nguyễn Sơn có 99 con lợn nái, 3 con lợn đực giống). Đàn gia cầm, thủy cầm: 227.000 con.

Lĩnh vực chăn nuôi chủ yếu tập trung vào công tác tiêm phòng, phòng chống dịch bệnh đảm bảo vệ sinh môi trường trong chăn nuôi; là địa bàn không có điều kiện để phát triển chăn nuôi, không có vùng quy hoạch chăn nuôi do đó chăn nuôi chủ yếu theo hình thức nhỏ lẻ, nông hộ; chưa phát triển được các mô hình trang trại, mô hình liên kết sản xuất với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị; tổng đàn gia súc, gia cầm ngày càng giảm về số lượng đàn do người dân chuyển dịch dần sang các lĩnh vực phi nông nghiệp.

**c) Lĩnh vực Thủy sản:**

- Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản của toàn xã 130 ha, phân bố nhỏ lẻ, các đối tượng nuôi chủ yếu là các loại cá truyền thống (Trắm, trôi, mè, chép...); nuôi trồng thủy sản trên địa bàn chủ yếu theo hình thức bán thâm canh, quảng canh, năng suất thấp; chưa có vùng chăn nuôi thủy sản tập trung. UBND xã chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị, tổ chức, cá nhân chăm sóc, phòng trừ dịch bệnh cho các ao nuôi; hướng dẫn đắp bờ giữ nước, vây lưới để hạn chế thiệt hại do mưa lũ gây ra. Địa bàn không có cơ sở ương giống thủy sản.

**d) Lĩnh vực Lâm nghiệp:**

Xã Can Lộc có diện tích rừng và đất lâm nghiệp là 1.929,72 (ha) nằm trên 18 khoảnh và ba tiểu khu 124; 128B; 132D được phân bố trên dãy núi Hồng Lĩnh và 3,26 ha tại Rú Nghèn, chiếm 29,37% diện tích tự nhiên toàn xã. Trong đó, diện tích rừng và đất lâm nghiệp chưa giao, đang do UBND xã quản lý 109,5 ha, chiếm 7,67%. Ban Quản lý rừng phòng hộ Hồng Lĩnh quản lý 1.775,58 ha, chiếm 92,01%; Hộ gia đình quản lý 5,99 ha, chiếm 0,31%.

Công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng (PCCCR) thời gian qua được cấp ủy, chính quyền địa phương, các ngành chức năng, chủ rừng chủ động triển khai thực hiện đạt được nhiều kết quả khả quan nên trong giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn không để xảy ra vụ cháy rừng.

**5.2 Thực trạng thủy lợi, đê điều và các hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp**

**a) Công trình đê điều**

Trên địa bàn có tuyến đê Sông Nghèn dài 32 km gồm có đê Tả sông Nghèn và đê Hữu sông Nghèn (Đê tả có chiều dài từ 18km; Đê hữu có chiều dài 14 - 15km) thuộc địa phận Thị trấn Nghèn cũ.

**b) Công trình hồ đập:**

Xã Can Lộc có 02 hồ, đập trong đó: Công ty Thủy lợi Bắc Hà Tĩnh quản lý 02 hồ, đập quy mô lớn: Hồ Khe Trúc có trữ lượng nước 2.140 m<sup>3</sup>, Hồ Nhà Đường trữ lượng nước 3.942m<sup>3</sup> Các hồ đập hiện nay xây dựng và phê duyệt phương án ứng phó với thiên tai.

**c) Kênh mương:**

Toàn xã có 171 km kênh mương, trong đó đã kiên cố hoá 87,5 km, đạt tỉ lệ 50,6%.

*d) Công trình cấp nước sạch tập trung:*

Hiện nay xã Can Lộc có 3/3 nhà máy cấp nước sạch được tổ chức quản lý, khai thác hoạt động ổn định gồm: Nhà máy nước Thiên Lộc; nhà máy nước Hạ Vàng và nhà máy nước do Linh mục quản xứ Kim Lâm xây dựng cho người dân.

Tỷ lệ số hộ trên toàn xã sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn đạt 100%, bao gồm các hộ gia đình sử dụng nước từ nguồn hệ thống cấp nước tập trung và công trình cấp nước quy mô hộ gia đình đáp ứng quy chuẩn. Trong đó:

- Số hộ dân sử dụng nước máy: 9.830/9.965 hộ, chiếm tỷ lệ 98,64%.
- Số hộ có sử dụng các công trình cấp nước quy mô hộ gia đình: 135 hộ, chiếm tỷ lệ 1,36%.

**5.3. Thực trạng phát triển tổ chức sản xuất trong nông nghiệp:**

Trên địa bàn xã có 12 HTX đang hoạt động. Số lượng lao động làm việc thường xuyên: 153 thành viên.

Tình hình phát triển KTTT, HTX trong thời gian qua có những chuyển biến tích cực và đạt được những kết quả khả quan. HTX, THT đóng vai trò, vị trí trong việc tạo sự ổn định về chính trị - xã hội trên địa bàn.

- Về phát triển kinh tế: Các HTX đã tạo sự liên kết, hợp tác giữa hộ nông dân, các cơ sở sản xuất nhỏ, qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức sản xuất, góp phần gia tăng sản lượng hàng hoá, đồng thời thúc đẩy kinh tế hộ phát triển.

- Về chính trị, văn hoá, xã hội, an ninh trật tự: KTTT ngày càng thể hiện vai trò trong việc phát triển kinh tế hộ thành viên, đã giải quyết công ăn việc làm cho người dân; thực hiện xóa đói giảm nghèo, góp phần phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. Các HTX hoạt động không chỉ đáp ứng nhu cầu kinh tế, đời sống của các thành viên mà còn đề cao giá trị văn hoá, đạo đức, tham gia giải quyết nhiều vấn đề xã hội, góp phần ổn định cuộc sống, giữ gìn an ninh trật tự ở địa phương.

**5.4. Thực trạng phát triển nông thôn, xây dựng nông thôn mới:**

- Về xây dựng nông thôn mới: xã Can Lộc đã đạt chuẩn 10/10 tiêu chí theo Bộ tiêu chí Quốc gia về xây dựng NTM ban hành kèm theo Quyết định 51/QĐ-TTg của Chính phủ.

*a) Về ngành nghề nông thôn:*

Toàn xã có 127 doanh nghiệp, 11 hợp tác xã, 01 quỹ tín dụng nhân dân, 2.300 cơ sở sản xuất, ngành nghề, kinh doanh, gia công cơ khí, vận tải, điện, điện tử, may mặc, nhà hàng ăn uống, Spa làm đẹp, có 10 siêu thị mini, 01 cửa hàng Điện Máy Xanh, 01 cửa hàng Thế Giới Di Động, 06 nhà nghỉ lưu trú, 01 trung tâm tiêm chủng vắc xin VNVC.

Trong năm 2025 xã Can Lộc đã rải thảm nâng cấp được 1,8km đường trục thôn, làm mới và nâng cấp 2,5 km đường giao thông nội đồng; sửa chữa, nạo vét

kênh mương 51km, rãnh thoát nước trực thôn. Xây mới nhà học 2 tầng trường mầm non Thiên Lộc, nâng cấp đường ống nước sạch Nam Thị trấn Nghèn (cũ), nâng cấp nhà bia tường niêm liệt sỹ Đồi Nghèn. (phần này cho vào ngành nghề nông thôn có hợp lý không?).

- Số lượng nghề, làng nghề truyền thống : Toàn xã có 01 làng nghề truyền thống (làng nghề chiếu cói Nam Sơn).

- Tình hình sản xuất kinh doanh: Doanh thu, thu nhập bình quân 6-7 triệu đồng/lao động/tháng;

Nhìn chung, công tác bảo tồn phát triển ngành nghề nông thôn đã được cấp ủy; chính quyền địa phương quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thông qua việc ban hành các cơ chế, chính sách và tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện; Tổ chức sản xuất ngành nghề nông thôn đang có xu hướng chuyển sang mô hình sản xuất hợp tác theo chuỗi giá trị. Bắt đầu hình thành hệ thống doanh nghiệp thương mại làm nòng cốt; trong việc mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm ngành nghề nông thôn, góp phần tăng khối lượng hàng hoá xuất khẩu, phát triển các hoạt động dịch vụ du lịch làng nghề. Các sản phẩm ngày càng đa dạng phong phú, mẫu mã phù hợp với thị hiếu, nhu cầu thị trường, nhưng vẫn giữ được nét văn hoá truyền thống đặc sắc.

*b) Đánh giá thực trạng áp dụng cơ giới hóa trong sản xuất*

- Đẩy mạnh áp dụng các loại máy móc, thiết bị và công nghệ nhằm nâng cao mức độ cơ giới hóa trong các khâu sản xuất nông nghiệp, tiến tới cơ giới hóa đồng bộ và tự động hóa nhằm góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường.

- Thúc đẩy, khuyến khích đầu tư, nâng cấp công nghệ chế biến, bảo quản và tiêu thụ các nông sản, đặc biệt là sản phẩm chủ lực, phát huy lợi thế của từng vùng, tạo việc làm, tăng thu nhập góp phần phát triển sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn.

- Tỷ lệ áp dụng cơ giới hóa trung bình các khâu trong sản xuất lúa đạt: Trồng trọt đối với cây trồng chủ lực (?): Làm đất 100%, gieo trồng 25%; thu hoạch 100%; vận chuyển 100%.

*c) Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP):*

Chương trình OCOP được quan tâm triển khai hiệu quả. Các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị giữa doanh nghiệp và nông dân tiếp tục được hình thành và nhân rộng, nhiều mô hình kinh tế mang lại thu nhập cao.

- Số ý tưởng tham gia chương trình OCOP và được phê duyệt trong năm 2025: 01 sản phẩm

- Số sản phẩm OCOP đạt chuẩn trong năm 2025, 01 sản phẩm đạt chuẩn 3 sao (rượu Sâm Ngọc Linh - công ty CP rượu WICCKY Can Lộc);

- Lũy kế tổng số sản phẩm OCOP đạt chuẩn đến nay: 5 sản phẩm, trong đó, Tổng số sản phẩm OCOP đạt chuẩn còn hiệu lực chứng nhận đến nay: 3 sản phẩm đạt chuẩn 3 sao (Bánh đa Hạnh Tâm, Cu đơ Hạnh Toàn, Rượu Tinh, Rượu sâm Ngọc linh, Gạo sạch Hạ Vàng). ??? (3 mà lại kể 5)

- Tổng số sản phẩm OCOP được xuất khẩu nước ngoài: không;

- Ước tính tổng giá trị doanh thu của các sản phẩm OCOP 3 tỷ đồng, trong đó ước tính giá trị lợi nhuận sau trừ chi phí 1,5 tỷ đồng, điển hình là sản phẩm cu đơ Hạnh Toàn với doanh thu đạt 700 triệu đồng lợi nhuận 350 triệu đồng.

### **5.5. Thực trạng công tác giảm nghèo bền vững:**

Trong bối cảnh kinh tế còn gặp nhiều khó khăn và thách thức nhưng Đảng và Nhà nước vẫn ưu tiên, dành nhiều nguồn lực cho công tác giảm nghèo, an sinh xã hội như chính sách giáo dục, chính sách tiền điện, bảo hiểm y tế... các chính sách đó đã góp phần tích cực trong việc thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững, đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện và từng bước nâng cao điều kiện sống cho người dân nói chung và người nghèo, cận nghèo nói riêng.

Trong giai đoạn 2021-2025 đã triển khai được 8 mô hình sinh kế cho các đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo; xây dựng mới và sửa chữa hơn 40 ngôi nhà cho các hộ nghèo, cận nghèo. Những năm qua, UBNDTTQ xã và các tổ chức đoàn thể đã chủ động xây dựng các chương trình phối hợp liên quan đến các hoạt động nhân đạo tại địa phương như tổ chức Đêm giao lưu văn nghệ “Tết vì người nghèo”. Đã kêu gọi ủng hộ Quỹ vì người nghèo với số tiền là 812.240.000; tiếp nhận và trao tặng 930 lượt suất quà cho hộ nghèo, trẻ em mồ côi, nạn nhân chất độc da cam, gia đình đặc biệt khó khăn; thực hiện xóa nhà tạm, nhà dột nát cho 40 hộ gia đình hoàn thành 100% kế hoạch, số tiền đã giải ngân cho các hộ là: 2.800.000.000 đồng.

Thông qua dự án mô hình giảm nghèo được xây dựng và triển khai, nhiều hộ nghèo đã có điều kiện tiếp cận trực tiếp với nguồn lực hỗ trợ và mạnh dạn đầu tư phát triển sản xuất, tạo sự tham gia của người dân, huy động thêm được nguồn lực tại chỗ. Trong quá trình thực hiện các mô hình đã bước đầu giúp cho các cán bộ ở địa phương, người dân nâng cao năng lực về nhận thức, kiến thức quản lý, các kỹ năng về tổ chức thực hiện dự án và tiếp cận khoa học kỹ thuật để qua đó làm thay đổi nhận thức của người dân, người dân có động lực phấn đấu lao động để vươn lên thoát nghèo. Trong 5 năm qua, nhiều giải pháp cụ thể được triển khai đồng bộ, quyết liệt và đã đem lại những kết quả đáng ghi nhận trong việc thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững, tính đến hết năm 2025, số hộ nghèo trên địa bàn xã là 132 hộ, đạt tỉ lệ 1,32% (giảm 81 hộ so với năm 2021); hộ cận nghèo 232 hộ, đạt tỉ lệ 2,33% (giảm 52 hộ so với năm 2021).

## **6. Đánh giá những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm**

### **6.1. Tồn tại, hạn chế chủ yếu:**

- Về lĩnh vực nông nghiệp:

+ Sản xuất nông nghiệp theo hướng tập trung, hàng hóa, liên kết với doanh nghiệp còn ít; thị trường đầu ra cho các sản phẩm nông nghiệp thiếu ổn định; hoạt động của các Hợp tác xã dịch vụ sản xuất nông nghiệp hiệu quả thấp.

+ Khí hậu, thời tiết diễn biến phức tạp, thiên tai hạn hán, lũ lụt, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi xảy ra đã tác động không nhỏ đến đời sống và phát triển sản xuất nông nghiệp.

+ Việc ứng dụng các tiến bộ về giống cây trồng, vật nuôi mới gắn với quy trình thâm canh để nâng cao năng suất, chất lượng và tạo ra sản phẩm sạch còn hạn chế, sản phẩm sản xuất ra chưa có thương hiệu, khả năng cạnh tranh trên thị trường rất thấp.

+ Các HTX dịch vụ nông nghiệp đã chuyển đổi hoạt động theo Luật HTX năm 2023, tuy nhiên chưa mở rộng được ngành nghề kinh doanh, hiệu quả mang lại không cao và chưa thực sự là cầu nối cho người dân trong liên kết sản xuất và tiêu thụ hàng hóa.

+ Việc tiếp cận, thụ hưởng các chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp còn hạn chế. Việc tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai các nghị quyết, cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn còn nhiều bất cập, chưa tương xứng với yêu cầu phát triển một nền nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại như yêu cầu của nghị quyết.

#### **- Về lĩnh vực giảm nghèo:**

+ Chương trình, mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 có nhiều thay đổi so với giai đoạn trước về đối tượng, phạm vi, nội dung hỗ trợ, cơ chế quản lý; số dự án, tiểu dự án thành phần nhiều hơn; cơ chế quản lý chặt chẽ hơn, vì vậy các cấp, các ngành cần có nhiều thời gian để được nghiên cứu, hướng dẫn và tổ chức triển khai một cách bài bản, đồng bộ hơn.

+ Việc ban hành các văn bản quy định, hướng dẫn Chương trình của một số bộ, ngành Trung ương chưa đảm bảo theo tiến độ quy định, làm ảnh hưởng đến quá trình triển khai thực hiện Chương trình.

+ Một số nội dung quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương chưa thực sự cụ thể, rõ ràng, thống nhất hoặc chưa hợp lý, gây ra những khó khăn cho các địa phương trong việc triển khai thực hiện, cụ thể như: khó khăn trong xác định đối tượng là “người lao động có thu nhập thấp” do chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể để xác định đối tượng trên theo Quyết định số 90/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

+ Tỷ lệ giải ngân vốn Chương trình còn thấp so với nguồn vốn được phân bổ.

## **6.2. Nguyên nhân và bài học kinh nghiệm**

### **a) Nguyên nhân tồn tại, hạn chế:**

- Nguyên nhân khách quan:

Sau thực hiện chính quyền 2 cấp, Thị trấn Nghèn (cũ) là đơn vị đô thị văn minh loại IV với nhiều tiêu chí không đồng bộ với các tiêu chí nông thôn mới nên khó khăn trong việc rà soát, đánh giá theo tiêu chí nông thôn mới gắn với phát triển theo các quy hoạch đô thị đã được duyệt trước đó.

Phát triển thị trường tiêu thụ nông sản còn bất cập, khó khăn; sản xuất nông nghiệp chưa thực sự gắn với thị trường, còn mang tính tự phát; chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm còn thấp. Mối liên kết giữa sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, dự báo, thông tin về thị trường tiêu thụ sản phẩm chưa tốt. Việc dồn điền đổi thửa, tích tụ ruộng đất vẫn còn khó khăn đã hạn chế việc đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật, cơ giới hoá vào sản xuất, phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa.

+ Một số nguồn vốn chưa thực sự đáp ứng được nhu cầu của hoạt động thực tiễn, hồ sơ yêu cầu còn nhiều vướng mắc, nếu thực hiện chưa thấy được tính bền vững, hiệu quả thực tiễn lâu dài và khó khăn trong triển khai thực hiện.

+ Tác động của suy thoái kinh tế, giá cả thị trường biến động, giá vật tư đầu vào sản xuất tăng cao nên người dân không còn muốn đầu tư vào sản xuất nông nghiệp.

+ Thiên tai, dịch bệnh diễn biến phức tạp như: Dịch sâu cuốn lá nhỏ; Dịch tả lợn Châu Phi; chuột phá hoại, lũ lụt, nắng nóng, hạn hán ngày càng bất thường nên ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sản xuất nông nghiệp.

+ Các ngành nghề phi nông nghiệp phát triển và thu nhập từ các ngành nghề cao hơn nhiều so với sản xuất nông nghiệp, nên có sự chuyển dịch lao động trực tiếp sản xuất nông nghiệp sang lao động ngành nghề khác; việc đầu tư lao động sống và vốn vào sản xuất nông nghiệp mang lại hiệu quả kinh tế thấp và chịu nhiều rủi ro nên việc đầu tư vào sản xuất nông nghiệp hết sức hạn chế.

- Nguyên nhân chủ quan

+ Công tác tuyên truyền, quán triệt các nghị quyết, chính sách về phát triển nông nghiệp chưa được các địa phương, đơn vị quan tâm, do vậy, một số chính sách về khuyến nông vẫn chưa đến được với người dân.

+ Tâm lý ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước ở một bộ phận nông dân vẫn còn; sản xuất còn mang nặng tính truyền thống, chủ yếu dựa vào kinh nghiệm; tư duy còn bảo thủ, không muốn đầu tư, ngại tiếp thu, áp dụng tiến bộ KHKT mới. Bên cạnh đó, một bộ phận nông dân không có nhu cầu (*một số hộ còn không có khả năng*) sản xuất nhưng lại muốn giữ đất để chờ đền bù khi Nhà nước có chính sách thu hồi đất.

+ Tư tưởng bảo thủ, thoải mãn, ngại khó trong một bộ phận nông dân chậm khắc phục sửa chữa nên chưa tạo ra được tập quán sản xuất hàng hóa có quy mô gắn với thị trường tiêu thụ.

+ Công tác tuyên truyền vận động để phát huy vai trò chủ thể của người dân còn thiếu chiều sâu, hiệu quả nên người dân chưa thực sự vào cuộc quyết liệt, đặc biệt là trong công tác chỉnh trang cảnh quan, vệ sinh môi trường khu dân cư, vườn mẫu.

+ Lực lượng lao động chính ở nông thôn vừa thiếu, vừa già hóa; lao động trẻ có xu hướng chuyển dịch sang các ngành nghề khác cho thu nhập cao hơn như: Xuất khẩu lao động, xây dựng, lái xe, cơ khí, giúp việc, buôn bán, làng nghề,... từ đó dẫn đến tình trạng thiếu hụt nguồn lao động tham gia vào sản xuất nông nghiệp, nhất là vào thời điểm đòi hỏi tính thời vụ khẩn trương như vụ hè thu; trong khi đó công tác cơ giới hóa sản xuất chưa đồng bộ. Do đầu giai đoạn thực hiện Chương

trình, nguồn vốn giao muộn. Việc tiếp cận, nghiên cứu một số văn bản, hướng dẫn còn khó khăn, lúng túng. Trình độ, năng lực tham mưu một số cán bộ cơ sở chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, xử lý công việc thiếu linh hoạt. Bên cạnh đó, Can Lộc là địa bàn có lợi thế về sản xuất nông nghiệp, diện tích lớn, kinh tế chủ yếu tập trung theo hướng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ; trong khi các hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn chủ yếu là hộ nghèo hưởng bảo trợ xã hội, không có khả năng lao động nên việc triển khai thực hiện xây dựng mô hình phát triển sản xuất gặp nhiều khó khăn.

+ Một số tiểu dự án, dự án số đối tượng thụ hưởng, nội dung hỗ trợ không còn nhiều, nguồn kinh phí lớn, do vậy phải xem xét điều chỉnh.

#### **b) Bài học kinh nghiệm:**

- Xác định rõ vai trò, vị trí, tầm quan trọng của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; thường xuyên tổ chức tuyên truyền, quán triệt để tạo sự đồng thuận cao trong nhận thức, hành động và huy động mọi nguồn lực cho tổ chức triển khai thực hiện.

- Phải xây dựng đồng bộ các đề án, quy hoạch, kế hoạch, chương trình hành động, chính sách, làm rõ định hướng phát triển các sản phẩm nông nghiệp hàng hoá chủ lực.

- Thực hiện tốt việc xã hội hoá, huy động mọi nguồn lực đóng góp để xây dựng nông thôn. Ngoài nguồn vốn hỗ trợ của cấp trên, sự đóng góp của Nhân dân, cần huy động thêm nguồn vốn của các tổ chức, cá nhân vào việc xây dựng các công trình, dự án trên địa bàn.

- Tập trung xây dựng các mô hình, nhất là mô hình sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại và chỉ đạo nhân rộng theo hướng khai thác các lợi thế của địa phương.

- Khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của địa phương, tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị; nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa; cơ cấu lại, đẩy mạnh phát triển kinh tế, để sớm nâng cao thu nhập cho người dân; Phát triển các hình thức tổ chức sản xuất theo hướng cộng đồng với sự tự nguyện tham gia của người dân để khai thác các tiềm năng, lợi thế thành các sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng gắn với triển khai thực hiện tốt Chương trình OCOP.

- Có kế hoạch khảo sát độ tuổi lao động và lao động hàng năm của các hộ nghèo, hộ cận nghèo chưa có việc làm; các ban ngành, đoàn thể tư vấn giới thiệu việc làm và bảo lãnh cho vay vốn phát triển sản xuất, đào tạo nghề, tăng cường công tác khuyến nông và hỗ trợ phát triển các làng nghề truyền thống, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn; mở các lớp tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật, hỗ trợ giống, vốn, kinh nghiệm làm kinh tế để họ thoát nghèo có thu nhập ổn định. Định kỳ sơ, tổng kết đánh giá rút kinh nghiệm, biểu dương, khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác giảm nghèo.

- Bám sát văn bản chỉ đạo cấp trên, chủ động cụ thể hóa chương trình, kế hoạch của triển khai thực hiện đảm bảo kịp thời, nhất là giao nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị trong tham mưu, tổ chức triển khai thực hiện các chương trình đạt chất lượng, hiệu quả, kế hoạch đề ra.

- Phát huy vai trò Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể chính trị-xã hội trong tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân, nhà hảo tâm chung tay xây dựng các chương trình mục tiêu, nhất là chương trình giảm nghèo tại địa phương.

- Kịp thời kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện chương trình để nắm bắt khó khăn, vướng mắc chỉ đạo tháo gỡ.

## **7. Quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững trên địa bàn xã Can Lộc giai đoạn 2026 - 2030**

### **7.1. Quan điểm, mục tiêu, chỉ tiêu**

#### a) Quan điểm:

Xây dựng nền nông nghiệp phát triển bền vững, hiệu quả, sản xuất hàng hóa quy mô lớn, bảo đảm an ninh lương thực, môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu, hướng tới nông nghiệp sinh thái, thông minh, hiện đại. Nông dân và cư dân nông thôn có trình độ, đời sống vật chất và tinh thần ngày càng cao, làm chủ quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn với vai trò, vị thế thực sự là trung tâm, chủ thể, động lực, mục tiêu phát triển. Nông thôn phát triển toàn diện, có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, môi trường sống an toàn, lành mạnh, giàu bản sắc văn hoá dân tộc; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững; tổ chức đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Thu hút nguồn lực xã hội đầu tư vào khu vực nông nghiệp nông thôn; xây dựng cơ cấu kinh tế và hình thức tổ chức sản xuất hiệu quả, hợp lý.

#### b) Mục tiêu chung

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, khuyến khích đầu tư phát triển theo hướng nông nghiệp sinh thái, hàng hóa quy mô lớn, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu, trong đó ưu tiên tập trung: Tạo bước chuyển biến về nhận thức và hành động *“lấy nông nghiệp sinh thái là chủ đạo, nông nghiệp hữu cơ là mũi nhọn cho phát triển kinh tế nông nghiệp bền vững”*.

Phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững, nâng cao giá trị gia tăng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh, hướng tới xây dựng nền nông nghiệp thông minh, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu. Phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới phồn vinh và văn minh, cải thiện nhanh hơn đời sống của nông dân, góp phần giảm nghèo bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo đảm an ninh quốc phòng.

#### c) Chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030

##### **- Nhóm chỉ tiêu về phát triển nông nghiệp:**

+ Tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm bình quân giai đoạn 2026-2030 đạt trên

11%; Tốc độ tăng trưởng giá trị nông, lâm, thủy sản đạt trên 3%/năm; Cơ cấu tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn theo giá hiện hành đến năm 2030: Nông, Lâm nghiệp, Thủy sản: dưới 18%; Công nghiệp, xây dựng: trên 42%, Thương mại - Dịch vụ: 40%, tốc độ tăng ngân sách nhà nước bình quân hàng năm trên 7,5%, giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích đạt 130 triệu đồng/ha.

+ *Chỉ tiêu lĩnh vực Trồng trọt:* Giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích đạt trên 130 triệu đồng/ha vào năm 2030.

Phân đầu diện tích gieo trồng một số cây trồng chính 2.060 ha, sản lượng lương thực đạt 109.745 tấn. Trong đó:

+ *Chỉ tiêu lĩnh vực Chăn nuôi:* Tập trung duy trì thường xuyên tổng đàn chăn nuôi hằng năm: Đàn trâu, bò 550 con, trong đó 500 con bò, 50 con trâu; đàn lợn 3000 con, trong đó có 300 con lợn nái; đàn gia cầm, thủy cầm: 170.000 con.

+ *Chỉ tiêu lĩnh vực Lâm nghiệp:* Giữ vững diện tích rừng phòng hộ hiện có, không để cháy rừng xảy ra trên địa bàn xã.

+ *Chỉ tiêu lĩnh vực Thủy sản:* Tổng diện tích nuôi trồng 130 ha, sản lượng đạt 300 tấn.

+ *Chỉ tiêu về lĩnh vực thủy lợi, nước sạch nông thôn:*

Về cấp nước, tiêu thoát nước; số km kênh mương nội đồng cần được đầu tư, nâng cấp, kiên cố hóa 54 km; Về phòng, chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai; về tỷ lệ người dân được sử dụng nước sạch từ các công trình nước sạch tập trung đạt 100%.

- Nhóm chỉ tiêu về phát triển nông thôn: Thu nhập bình quân trên đầu người đến năm 2030 đạt trên 90 triệu đồng/người/năm; tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp thương mại và dịch vụ trong nông thôn;

- Nhóm chỉ tiêu về giảm nghèo bền vững: Tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2030 còn dưới 1%.

## **7.2. Định hướng phát triển**

### **a) Định hướng phát triển nông nghiệp**

- Trồng trọt: Chuyển đổi linh hoạt cơ cấu cây trồng, sản phẩm phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; Nhân rộng các mô hình đồn điền đổi thửa, tập trung, tích tụ ruộng đất, hình thành các cánh đồng lớn, vùng sản xuất chuyên canh hàng hoá tập trung, quy mô lớn như: Trồng lúa (lúa giống và lúa thương phẩm), ngô, lạc, rau củ quả các loại, nấm ăn, dược liệu, cây ăn quả ... đảm bảo được nguồn cung cấp nguyên liệu, sản phẩm có chất lượng cho hoạt động chế biến, thị trường tiêu thụ lớn.

+ Phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ tập trung và các sản phẩm hữu cơ chủ lực; Ứng dụng kỹ thuật tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ mới vào sản xuất rau, củ, quả;

- Chăn nuôi:

+ Phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp, khuyến khích áp dụng công nghệ cao, tổ chức sản xuất khép kín hoặc liên kết giữa các khâu trong chuỗi giá trị từ sản xuất giống, thức ăn, chế biến và tiêu thụ.

+ Phát triển đối tượng vật nuôi có lợi thế, tổ chức chăn nuôi phù hợp với kinh tế thị trường, đảm bảo an toàn thực phẩm, bền vững môi trường, an toàn sinh học và dịch bệnh.

+ Ứng dụng công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào phát triển sản xuất chăn nuôi; tổ chức sản xuất chăn nuôi theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy trình thực hành sản xuất tốt và tương đương; thực hiện chuyển đổi số trong sản xuất chăn nuôi và phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm.

+ Ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong lĩnh vực chăn nuôi

- Thủy sản: Tập trung phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; tập trung phát triển các đối tượng nuôi chủ lực, các vùng nuôi thủy sản thâm canh, nuôi an toàn sinh học, bảo vệ môi trường sinh thái. Đa dạng hóa các đối tượng và phương thức nuôi để khai thác cơ hội thị trường; khuyến khích nuôi thâm canh, công nghiệp; ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; Tăng cường công tác quản lý môi trường, con giống, thức ăn, chế phẩm sinh học, thuốc thú y thủy sản và phòng chống dịch bệnh trong nuôi trồng thủy sản.

- Thủy lợi, đê điều, hạ tầng phục vụ sản xuất: Tập trung triển khai các giải pháp tái cơ cấu thủy lợi theo hướng phục vụ tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp và chủ động phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Khuyến nông, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, dịch vụ nông nghiệp: Định hướng về xây dựng và nhân rộng các mô hình khuyến nông, sản xuất nông nghiệp; công tác thông tin tuyên truyền, đào tạo tập huấn; công tác sự nghiệp giống cây trồng, vật nuôi; hợp tác, thu hút nguồn lực và xã hội hóa công tác khuyến nông; phát triển hệ thống khuyến nông cộng đồng. Định hướng trong việc ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, dịch vụ trong nông nghiệp.

b) Định hướng phát triển nông thôn.

- Tổ chức tốt các hoạt động xúc tiến thương mại đối với sản phẩm chủ lực, sản phẩm mới, sản phẩm giá trị gia tăng đến nhà phân phối lớn, hệ thống siêu thị, người tiêu dùng các nước. Tăng cường các hoạt động kết nối, triển lãm, quảng bá giới thiệu sản phẩm; đa dạng hóa các kênh phân phối sản phẩm rau quả hiện đại, phù hợp.

- Phát triển trung tâm trung bày, giới thiệu sản phẩm nông sản, sản phẩm OCOP địa phương.

- Đẩy mạnh hợp tác, liên kết với các địa phương, cơ quan, đơn vị và hỗ trợ người dân đưa các sản phẩm nông sản, sản phẩm OCOP ra thị trường (hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại trong nước, sàn thương mại điện tử,...).

- Tăng cường phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đề xuất xây dựng

thương hiệu, chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm đặc trưng, chủ lực, ngành nghề truyền thống của địa phương; quản lý nhà nước về chất lượng hàng hoá vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm.

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và hệ thống trang thiết bị, kinh phí hoạt động để các tổ chức nông dân và HTX chủ động xây dựng được hệ thống kinh doanh bán lẻ.

- Gắn kết phát triển kinh tế với chương trình phát triển du lịch; xây dựng, mở các tour, tuyến du lịch là thế mạnh, đặc trưng của địa phương. Xây dựng địa điểm trình diễn sản phẩm, giới thiệu và bán hàng lưu niệm cho du khách, đồng thời nghiên cứu bảo tồn các di tích lịch sử địa phương; xây dựng các điểm sản xuất thử nghiệm cho du khách tham gia, xây dựng các hộ gia đình tiêu biểu thành các điểm đón khách du lịch.

c) Định hướng công tác giảm nghèo bền vững: Tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; thực hiện hiệu quả các chính sách của Trung ương, của tỉnh về giảm nghèo, cụ thể từng nội dung nhiệm vụ, trong đó tập trung (hỗ trợ việc làm, Giáo dục, y tế, nước sạch và vệ sinh, thông tin, môi trường, nhà ở...).

## **8. Một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm**

### **8.1. Công tác thông tin, tuyên truyền**

Tăng cường tuyên truyền chính xác, đầy đủ, kịp thời cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân về các chính sách của Trung ương, của Tỉnh và của xã về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; phản bác các thông tin xuyên tạc đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Thông qua đó, để người dân nhận thức rõ trách nhiệm của mình trong tham gia quản lý, phát triển kinh tế - xã hội, chủ động đề xuất, kiến nghị với các cơ quan Nhà nước các giải pháp thực hiện hiệu quả.

Đổi mới công tác thông tin, tuyên truyền các đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước trong bối cảnh truyền thông đa phương tiện, bảo đảm truyền tải nhanh chóng, kịp thời, hiệu quả các nội dung và định hướng tuyên truyền tới cán bộ, đảng viên, các tầng lớp Nhân dân. Tăng cường sử dụng các hình thức, phương tiện truyền thông một cách linh hoạt, sáng tạo.

8.2. Hoàn thiện thể chế và các cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững:

**Rà soát lại quy hoạch và tổ chức thực hiện có hiệu quả quy hoạch đã được phê duyệt:** Rà soát, điều chỉnh quy hoạch phù hợp với tình hình phát triển kinh tế của địa phương. Xác định quy hoạch vùng phát triển, hỗ trợ sản xuất, xác định các công trình hạ tầng khung ưu tiên đầu tư trên địa bàn xã. Nâng cao chất lượng và tăng cường công tác quản lý quy hoạch; Tổ chức thực hiện hiệu quả các quy hoạch.

Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế, chính sách, tạo động lực mới cho

phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Đổi mới chính sách đất đai theo hướng tăng quy mô diện tích trên hộ, tạo điều kiện cho tích tụ, tập trung đất đai, mở rộng hạn điền. Điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách khuyến khích mạnh mẽ hơn nữa cơ cấu lại nông nghiệp; giảm chính sách hỗ trợ trực tiếp, chuyển hướng ưu tiên các cơ chế, chính sách tạo môi trường, động lực, nhất là về kích hoạt tín dụng, về đất đai, hỗ trợ phát triển thị trường, tiêu thụ sản phẩm đầu ra thông qua thực hiện Chương trình OCOP... để thu hút doanh nghiệp và các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp khởi nghiệp trong nông nghiệp, tập trung vào các mô hình kinh doanh mới, định hướng sản xuất và xây dựng thương hiệu sản phẩm; phát triển liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao, sản xuất hàng hóa quy mô lớn, hiện đại, bền vững.

- Về trồng trọt: Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện tập trung, tích tụ ruộng đất; phát huy hiệu quả sau chuyển đổi ruộng đất gắn với quy hoạch vùng chuyên canh lúa năng suất, chất lượng cao, sản xuất lúa giảm phát thải; mở rộng diện tích luân canh 1 vụ lúa – 1 vụ lạc, trồng giống mới (đậu xanh, lạc) có năng suất và chất lượng cao, theo chuỗi liên kết; xây dựng vùng sản xuất rau an toàn, kết chuỗi thị trường; thâm canh cải tạo đất, quản lý dịch hại tổng hợp.

- Về chăn nuôi: Tập trung triển khai quyết liệt, có hiệu quả các giải pháp phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm; xây dựng và nhân rộng các mô hình chăn nuôi lợn liên kết hướng hữu cơ, tuần hoàn, an toàn sinh học. Thực hiện các chương trình chuyên đề về tuyên truyền, đào tạo, nâng cao nhận thức, chuyển đổi quy trình chăn nuôi an toàn sinh học cho các hộ chăn nuôi quy mô vừa và nhỏ.

- Về lâm nghiệp: Tiếp tục tăng cường kiểm tra, tuần tra quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng tại gốc, nhất là trước, trong và sau Tết nguyên đán. Chỉ đạo thực hiện tốt chương trình phát triển lâm nghiệp, Chương trình ERPA; trồng lại rừng sản xuất sau bão với các giống keo lai mới, giống nuôi cấy mô tế bào có năng suất, chất lượng cao, nhằm rút ngắn chu kỳ kinh doanh, giảm rủi ro do thiên tai; hướng dẫn, triển khai thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, rừng đổi với diện tích đất rừng sản xuất sang trồng dứa theo quy định.

- Về thủy sản: Chú trọng phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng thâm canh, công nghệ cao, phát huy tiềm năng nuôi cá nước ngọt, khai thác tiềm năng, lợi thế diện tích mặt nước lưu vực Sông Nghèn vào nuôi trồng thủy sản nước ngọt.

- Về thủy lợi: Tiếp tục đầu tư xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp, hoàn thiện các hệ thống công trình thủy lợi hiện có (trong đó tập trung ưu tiên hỗ trợ, xây dựng, sửa chữa, nâng cấp hệ thống Trạm Bơm, hệ thống kênh mương tưới - tiêu phù hợp cho các vùng sản xuất lúa chất lượng cao; rau, củ, quả tập trung, có quy mô lớn gắn với việc liên kết và tổ chức tiêu thụ sản phẩm, đảm bảo đáp ứng nhu cầu phục vụ sản xuất, phát triển kinh tế nông thôn.

- Về giảm nghèo bền vững: Tiếp tục hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế, xây dựng, phát triển và nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất

kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh tạo việc làm, sinh kế bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống và thích ứng với biến đổi khí hậu, góp phần thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, phát huy các giá trị văn hóa của dân tộc, tăng trưởng kinh tế và mục tiêu giảm nghèo bền vững.

- Về khuyến nông:

+ Áp dụng mạnh mẽ tiến bộ khoa học, công nghệ nhằm đổi mới quy trình từ quản lý đến sản xuất, chế biến, tiêu thụ và trang bị các máy móc, hệ thống thiết bị đồng bộ, hiện đại để tạo ra những sản phẩm đa dạng về chủng loại, mẫu mã, có giá thành hợp lý, đảm bảo yêu cầu về vệ sinh, an toàn thực phẩm và có sức cạnh tranh trên thị trường ...

+ Đẩy nhanh ứng dụng chuyển đổi số trong công tác quản lý, điều hành; phát triển các sản phẩm chủ lực, tổ chức sản xuất, quản lý chất lượng sản phẩm, gắn truy xuất nguồn gốc và kết nối thị trường; tăng cường quản lý, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, dịch hại, phòng cháy chữa cháy rừng. Khuyến khích doanh nghiệp và người dân ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số trong sản xuất kinh doanh và kết nối cung - cầu; đẩy mạnh thương mại điện tử, truy xuất nguồn gốc và kiểm soát an toàn thực phẩm.

#### 8.4 Đổi mới, nâng cao hiệu quả các hình thức tổ chức sản xuất

Tiếp tục đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, hiệu quả, trong đó doanh nghiệp, hợp tác xã là động lực phát triển, nông dân vừa là chủ thể, vừa là đối tượng phục vụ để tăng thu nhập. Khuyến khích và tạo thuận lợi phát triển doanh nghiệp nông nghiệp, hình thành các mô hình hợp tác, liên kết chặt chẽ, bình đẳng tin cậy giữa nông dân và doanh nghiệp; cụ thể hóa, triển khai có hiệu quả Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ. Đẩy mạnh đổi mới và phát triển các hợp tác xã nông nghiệp, phát triển trang trại theo hướng chú trọng hơn tới sản xuất hàng hóa quy mô lớn, chất lượng cao; phát triển các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị, kết nối với hệ thống tiêu thụ trong nước, toàn cầu.

Đổi mới, phát triển HTX trở thành tác nhân kinh tế quan trọng trong sản xuất và tiêu thụ, kết nối các thành phần trong chuỗi giá trị, đặc biệt là doanh nghiệp. Thông qua việc nâng cao năng lực HTX, tái cơ cấu bộ máy HTX, tái cơ cấu các hoạt động của HTX, cụ thể: Cấu trúc lại HTX; thúc đẩy liên kết; nâng cao năng lực quản trị và điều hành HTX: Ứng dụng công cụ trực tuyến để trao đổi thông tin, họp, ra quyết định tập thể, đào tạo, tuyên truyền, tư vấn và nhận tư vấn; nâng cao kỹ năng xúc tiến, đàm phán kinh doanh; nâng cao năng lực tiếp cận thị trường.

Tiếp tục đổi mới công tác đào tạo nghề, gắn với giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, tạo nguồn nhân lực phục vụ cơ cấu lại nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, theo hướng: Đào tạo, nâng cao trình độ cho đội ngũ lao động đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp về ứng dụng khoa học công nghệ, kiến thức quản lý,

khởi sự, ... Khuyến khích phát triển doanh nghiệp công nghiệp ở khu vực nông thôn, nhằm tạo nhiều việc làm mới, góp phần chuyển dịch kinh tế, cơ cấu lao động nông nghiệp; đào tạo nghề mới để chuyển đổi nghề ngay trong nội ngành, chuyển sang làm công nghiệp, dịch vụ và ngành nghề nông thôn.

8.5 Đầu tư và quản lý sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư công:

- Thực hiện tốt chủ trương xã hội hóa đầu tư nhằm huy động nguồn lực từ người dân, doanh nghiệp, tổ chức; tăng cường thu hút các nguồn vốn đầu tư từ các chương trình dự án của nhà nước và nước ngoài.

- Hàng năm, rà soát lại nguồn vốn đầu tư phát triển và các nguồn vốn khác để tập trung đầu tư thỏa đáng cho lĩnh vực nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới. Ưu tiên đầu tư vào phát triển các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực: các trại và trang trại chăn nuôi có quy mô lớn, vừa và các mô hình hợp tác trong chăn nuôi; ưu tiên các cơ sở sản xuất con giống; xây dựng kết cấu hạ tầng như hệ thống kênh mương, các trạm bơm, đường giao thông nội đồng; những cơ sở nuôi trồng thủy sản đầu tư cải tạo để nuôi theo hình thức công nghiệp tiên tiến; đầu tư hỗ trợ bảo quản, chế biến, giảm tổn thất sau thu hoạch; chuyển giao khoa học, công nghệ, phát triển thị trường.

8.6. Tăng cường nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước: Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý chất lượng giống, vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm, xử lý nghiêm việc chất cấm trong chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản; quản lý, kiểm soát chặt chẽ giết mổ gia súc gia cầm; quản lý, bảo vệ rừng tại gốc. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát, xử lý ô nhiễm môi trường tại các cơ sở sản xuất tập trung, làng nghề, chế biến.

8.7. Một số nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2026:

1. Thu nhập bình quân đầu người đạt trên 69 triệu đồng/người/năm.
2. Tổng diện tích gieo trồng 2.317ha (lúa 1.801ha/vụ); tập trung ruộng đất đạt 200ha.
3. Giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều theo tiêu chí mới tối thiểu 0,1%.
4. Thu ngân sách trên địa bàn đạt 123,71 tỷ đồng.
5. Xây dựng 5 km đường bê tông; khắc phục mặt đường hư hỏng bằng thảm nhựa 5 km; rãnh thoát nước 0,5 km; kênh mương nội đồng 6 km.
6. Tỷ lệ hộ gia đình văn hóa đạt 94,5%, gia đình thể thao đạt trên 50%, giữ vững 100% thôn đạt chuẩn thôn văn hóa; 100% cơ quan, đơn vị được công nhận cơ quan, đơn vị văn hóa.
7. Duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục mầm non (PCGDMN) cho trẻ 3 tuổi, 4 tuổi, 5 tuổi, PCGDTH đạt mức độ 3, PCGDTHCS đạt mức độ 3. Phần đầu trường Mầm non Hoa Hồng đạt kiểm định chất lượng cấp độ 3 và đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2.
8. Tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt 94%; tham gia BHXH đạt 20%.
9. Tái đạt chuẩn 3 sao đối với 02 sản phẩm OCOP đến hạn đánh giá lại, đạt

chuẩn mới 01 sản phẩm OCOP. Có 60% số thôn đạt Khu dân cư NTM kiểu mẫu theo Bộ tiêu chí mới.

10. Diễn tập chiến đấu trong khu vực phòng thủ cấp xã đạt “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên; Xây dựng xã Can Lộc đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” năm 2026.

11. Phần đầu nằm trong top 10 xã có kết quả chấm điểm cao nhất lĩnh vực Cải cách hành chính và hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công.

### **9. Kiến nghị đề xuất:**

1. Đề nghị UBND tỉnh sớm ban hành Chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030; đặc biệt có chính sách đủ mạnh để hỗ trợ cho các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa lớn có liên kết đầu ra, nông nghiệp hữu cơ; xây dựng kênh mương nội đồng; cơ chế thu hồi, cho thuê đất..... có như vậy mới làm thay đổi được tư duy sản xuất truyền thống như hiện nay, đồng thời sản xuất ra nhiều sản phẩm hàng hoá đủ sức cạnh tranh trong xu thế hội nhập và phát triển.

2. Đề nghị tỉnh điều chuyển viên chức thú y, bảo vệ thực vật tại các trạm Khu vực về tại Trung tâm dịch vụ Tổng hợp xã để thực hiện các nhiệm vụ lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn.

Trên đây là báo cáo xây dựng Đề án Phát triển nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững xã Can Lộc giai đoạn 2026 - 2030, UBND xã Can Lộc kính đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, cho ý kiến để UBND xã triển khai thực hiện./.

#### **Nơi nhận:**

- Sở Nông nghiệp & Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KKT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Anh Tuấn**